

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **50/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/10/2019

V/v: “*Ly hôn, nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - TỈNH BÌNH THUẬN

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thông Thái

2. Ông Phạm Lê Thụy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Lư Ngọc Quý - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thanh Lê Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 268/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Xóm 4, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận

2. Bị đơn: Ông **Lê Công N**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Xóm 4, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Hiện đang Chấp hành án tại Đội 8, K2, Trại giam S, tỉnh Ninh Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 26/5/2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Nguyễn Thị B** trình bày: Bà và ông Lê Công N tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng năm 2007 và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 468, quyển số 02; ngày 25/9/2007.

Trong cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn như: Do ông N thường xuyên sử dụng và mua bán chất ma túy, nhiều lần bà có khuyên ngăn nhưng ông N không nghe từ đó bất đồng điểm nên không thể sống chung được. Sau đó ông N bị bắt về tội liên quan đến mua bán chất ma túy và bị xử tù. Hiện ông N đang chấp hành án tại Trại giam S về tội mua bán trái phép chất ma túy, bà có đến thăm ông N và ông

N có biểu bà làm đơn ly hôn ông, nguyện vọng của bà cũng muốn ly hôn với ông N, vì nếu tiếp tục sống chung sẽ không đem lại hạnh phúc. Từ những nguyên nhân đó nên bà kiên quyết ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 02 đứa, Lê Phong V, sinh ngày 06/10/2007 và Lê Ngọc B, sinh ngày 26/01/2013. Nếu ly hôn, bà yêu cầu nuôi dưỡng và giáo dục các con chung cho đến khi trưởng thành và bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Lê Công N khai tại biên bản ghi lời khai ngày 01/8/2019 tại Trại giam Sông Cánh: Ông và bà Nguyễn Thị B sống chung với nhau vào năm 2007 có Đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, Tuy Phong, trong quá trình chung sống vợ chồng sống tương đối hạnh phúc, nhưng đôi lúc cũng xảy ra cãi vã, nay bà B xin ly hôn ông, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 đứa, Lê Phong V, sinh ngày 06/10/2007 và Lê Ngọc B, sinh ngày 26/01/2013. Nếu ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con trưởng thành và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị B đối với ông Lê Công N. Bà B được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Giao cháu Lê Phong V, sinh ngày 06/10/2007 và Lê Ngọc B, sinh ngày 26/01/2013 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về án phí: Bà B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Công N có nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/8/2019 tại Trại giam Sông Cánh ông Lê Công N xin Tòa xem xét xử vắng mặt ông, vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để đưa vụ ra xét xử vắng mặt ông N theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị B, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa bà B và ông N được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Thuận vào năm 2007. Vì vậy, áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị B và ông Lê Công N được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp nhưng trong quá trình chung sống ông bà đã thực sự xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài, nguyên nhân là do ông N lâm vào tệ nạn ma túy và đã bị xử về tội mua bán trái phép chất ma túy, nhiều lần bà B có nhắc nhở nhưng ông N không nghe và hiện ông N đang chấp hành án tại Trại giam S, bà B nhận thấy không thể tiếp tục sống chung sau khi ông N ra trại nên bà kiên quyết ly hôn, tại Trại giam ông N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà B nên ghi nhận ý kiến của ông N. Tuy nhiên, do ông N vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B đối với ông N.

Về con chung: Tại phiên tòa bà B xin tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục các con chung đến khi các con trưởng thành, bà B không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện bà B là người tiếp tục nuôi con từ khi bà và ông N không sống chung, mọi vấn đề con cái đều do một mình bà đảm trách. Bà B cam đoan sẽ đảm bảo lo cho các con có một cuộc sống lành mạnh, tạo đủ mọi điều kiện chăm sóc cho các con về mọi mặt cả thể chất lẫn tinh thần, bà B yêu cầu nuôi con, ông N đồng ý. Vì vậy, nghị nên tiếp tục giao cho bà B nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị B đối với ông Lê Công N. Bà B được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Giao cháu Lê Phong V, sinh ngày 06/10/2007 và Lê Ngọc B, sinh ngày 26/01/2013 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Bà B không được ngăn cản ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải nộp **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Bà B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0026227 ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà B đã nộp đủ án phí.

[3] Quyền kháng cáo của bà Nguyễn Thị B là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/6/2019), đối với ông Lê Công N vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND (Tỉnh - Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã (thị trấn);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM -
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lý Văn Lấy